TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THẾ** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: **19**/2023/HNGĐ-ST Ngày 08/6/2023 V/v: Về việc ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thân Văn Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Cương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lương Thị Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mậu Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 28/02/2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 09 ngày 23/5/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị P, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Leo Văn L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Y, tỉnh B- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn (chị Bùi Thị P) trình bày:

Chị và anh Leo Văn L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh B vào ngày 19/01/2015. Sau khi kết hôn chị P về nhà anh L làm dâu ngay. Tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L chơi bời, nghiện ngập, không tu trí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi cọ với nhau. Mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình động viên hòa giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã chuyển ra khỏi nhà anh L từ tháng 7 năm 2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Leo Văn L.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Leo Minh H, sinh ngày 07/4/2016, hiện cháu đang ở cùng ông bà nội, cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển

bình thường. Vợ chồng ly hôn chị xin được nuôi con chung là cháu Leo Minh H. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị xác định đủ điều kiện để nuôi con một mình nên không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn (anh Leo Văn L) trình bày:* Việc kết hôn như chị P trình bày là đúng. Anh kết hôn với chị P vào ngày 19/01/2015, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh B. Sau khi kết hôn chị P về nhà anh làm dâu ngay. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp được, hai bên gia đình đã hòa giải những không có kết quả. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị P xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Leo Minh H, sinh ngày 07/4/2016, hiện cháu đang ở cùng ông bà nội, vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng. Anh không đồng ý để chị P được nuôi con do chị P có quan hệ ngoại tình với người khác, kinh tế, chỗ ở cũng không ổn định.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Leo Văn L;

Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Leo Minh H, sinh ngày 07/4/2016. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Leo Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tiền án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1].1. Chị P làm đơn xin ly hôn anh L, yêu cầu giải quyết về con chung; về tài sản không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình về "ly hôn, nuôi con" quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Leo Văn L hiện đang cư trú tại thôn V, xã Đ, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1].3. Về việc vắng mặt của chị P, anh L: Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Bùi Thị P và anh Leo Văn L.

[2]. Về nội dung:

[2].1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Leo Văn L kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh B. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại bản khai của chị P xác định vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L chơi bời, nghiện ngập, không tu trí làm ăn, nên từ tháng 7 năm 2021 chị đã chuyển ra khỏi nhà anh L, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Phía anh L cũng thừa nhận do vợ chồng không hòa hợp nên đã phát sinh mâu thuẫn, hai bên gia đình của đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị P xin ly hôn anh đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị P, anh L đều nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn anh L là phù hợp.

[2].2. Về con chung: Chị P, anh L có 01 con chung là Leo Minh H, sinh ngày 07/4/2016, hiện cháu H đang ở cùng ông bà nội, con chung vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị P và anh L đều đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của vợ chồng, chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P. Qua xác minh địa P cung cấp hiện nay cháu H đang ở cùng ông bà nội, cháu bé vẫn phát triển bình thường. Tuy nhiên, hiện nay anh L bị nghiện ma túy, điều kiện kinh tế gia đình anh L rất khó khăn nên không đủ chi phí đưa anh L đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện mà phải tự cai nghiện tại nhà, không đủ điều kiện để nuôi con đảm bảo cho cháu bé phát triển như những đứa trẻ bình thường khác. Xét thấy hiện nay cháu H vẫn còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, điều kiện kinh tế của chị P có thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi con, vì vậy cần giao cho chị P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là phù hợp. Chị P không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Quyền thăm con: Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con chung, không ai được cản trở

[2].3. Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng đất và các quan hệ khác: Chị P, anh L không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[2].4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Bùi Thị P phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P được ly hôn anh Leo Văn L;

Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Leo Minh H, sinh ngày 07/4/2016. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho đến khi đương sự có yêu cầu. Anh Leo Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009059 ngày 27/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Toàn